TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 254/2023/DS- ST
Ngày: 19/10/2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Liên;

2. Bà Nguyễn Thị Bạn;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Trang- Kiểm sát viên;

Ngày 19 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 445/2023/TLST- DS ngày 18 tháng 9 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2023/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 285/2023/QĐST- DS ngày 29 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1989 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Bị đơn: Ông Lâm Đức T, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Công S, sinh năm 1992 (Có mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Quý C, sinh năm 1977 và bà Phùng Thị Minh T, sinh năm 1983 (Ông C vắng mặt, bà T có mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà T: Ông Đỗ Xuân N, luật sư công ty Luật TNHH MTV N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt);

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người làm chứng: Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P trình bày có nội dung:

Do có sự quen biết nên ngày 18/7/2023 ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M có vay của tông Nguyễn Hồng P số tiền 1.300.000.000đ *(Một tỷ ba trăm triệu đồng);* mục đích vay để đáo hạn ngân hàng; hẹn 02 ngày sau sẽ trả lại toàn bộ số tiền gốc và lãi. Ông T, bà M có viết giấy vay tiền cho ông P. Ông P đã chuyển khoản số tiền trên vào tài khoản của bà M, bà M đã nhận được tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 20%/năm. Tuy nhiên đến hẹn trả tiền ông P nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho ông T, bà M để yêu cầu ông T, bà M trả tiền nhưng ông T, bà M cố tình né tránh, không chịu trả tiền cho ông P. Sau đó đến ngày 26/7/2023 ông P có gặp được bà M thì ông P có yêu cầu bà M ra văn phòng công chứng ký hợp đồng vay tiền thì bà M có ra văn phòng công chứng ký giấy vay tiền, và hứa đến ngày 27/7/2023 sẽ trả tiền cho ông P. Tuy nhiên đến hạn trả nợ thì ông T, bà M vẫn không chịu trả tiền cho ông P mà có hành vi tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông P. Đến thời điểm này, ông P hoàn toàn chưa nhận được bất cứ khoản tiền lãi nào từ phía ông T, bà M và cũng không có ký bất kỳ 01 giấy vay tiền và gia hạn nợ nào khác. Ông T, bà M đã thực hiện việc bán rất nhiều tài sản nhưng cố tình lẫn tránh, không chịu trả tiền cho ông. Do đó ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M phải trả lại cho ông số tiền nợ gốc là 1.300.000.*000đ (Một tỷ ba trăm triệu đồng)* và lãi suất là 22.082.000đ (Lãi suất từ ngày 18/7/2023 đến ngày 17/8/2023 với lãi suất 20%/năm) và lãi suất phát sinh đến khi tòa án xét xử vụ án. Tại phiên tòa, ông P thay đổi yêu cầu khởi kiện, để dễ dàng cho ông T, bà M nên ông P chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà M trả lãi suất cho ông từ ngày 28/7/2023 đến ngày xét xử, ngày 19/10/2023 theo mức lãi suất là 10%/năm. Ngoài ra ông P không có yêu cầu gì khác.

Việc ngăn chặn tài sản trên là hoàn toàn đúng pháp luật, nếu ông T, bà M có trả nợ cho ông P thì ông sẽ rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, ông P vẫn yêu cầu Tòa án duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trên để đảm bảo cho việc thi hành án. Ngoài ra ông P không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M, ông Trịnh Công S trình bày có nội dung:

Xuất phát từ giấy vay mượn tiền ngày 18/7/2023 ông T, bà M có vay của ông Nguyễn Hồng P số tiền 1.300.000.000 đồng. Sau đó vì trục trặc trong kinh doanh nên bà M đã bán căn nhà tại đường L cho bà Phùng Thị Minh T và ông Lê Quý C (Căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa A tờ bản đồ B diện tích 104,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Theo giấy vay tiền đề ngày 18/7/2023 bà M vay ông P số tiền nêu trên để đáo hạn ngân hàng hẹn 03 ngày trả (tức ngày 21/7/2023) nhưng sau đó không trả. Tới ngày 26/7/2023 hai bên ra phòng công chứng B ký hợp đồng vay số tiền nêu trên hẹn sau đó 1 ngày sẽ trả tuy nhiên bà M vẫn không trả được. Ngày 01/8/2023 bà M đi gặp trực tiếp ông P và trả 100.000.000 đồng tiền lãi với lãi suất 4.000 đồng một ngày. Số tiền 100.000.000 đồng này trả lãi từ ngày 18/7/2023 đến ngày 01/8/2023 số tiền lãi trên là do ông Q đứng ra xin lãi tròn 100.000.000 đồng, đến 1/8/2023 bà M có trả cho ông P 100.000.000 đồng tiền lãi bằng tiền mặt và hai bên có viết lại giấy nợ hẹn tới ngày 30/08/2023 bà M sẽ trả lại số tiền nêu trên, có ông Hoàng Quốc P và ông Q làm chứng. Tuy nhiên do ông Nguyễn Hồng P khởi kiện và có đơn yêu cầu tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn phong tỏa tài sản đối với thửa A tờ bản đồ B diện tích 104,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và có đơn gởi các phòng công chứng ngăn chặn tài sản của bà M, ông T do đó bà M không thực hiện được việc sang tên sổ cho bà T, không thực hiện được việc vay ngân hàng để cho bà M vay tiền và trả nợ cho ông P.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P buộc bà M, ông T thanh toán số tiền 1.300.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh thì ông T và bà M, xác nhận có nợ khoản tiền gốc là 1.300.000.000đ. Ông T, bà M không đồng ý trả lãi vì trước đó ông P đã nhận 100.000.000 đồng tiền lãi, là tiền lãi tính từ ngày 18/07/2023 tới ngày 01/08/2023. Hiện nay ông T và bà M đã mất khả năng thanh toán do đó bà M và ông T đề nghị ông P lấy đất cấn trừ nợ hoặc và hẹn khi bán đất được sẽ trả số tiền trên cho ông P.

Bà M và ông T đề nghị ông P gỡ bỏ biện pháp ngăn chặn phong tỏa tài sản đối với thửa A tờ bản đồ B diện tích 104,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để đảm bảo quyền lợi cho ông C và bà T vì ông C và bà T là người đã trả tiền vào ngân hàng trả nợ cho bà M và ông T và rút tài sản từ ngân hàng ra; ông C, bà T là người ngay tình không liên quan đến việc vay nợ của ông T, bà M và ông P. Ngoài ra bị đơn không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quý C và bà Phùng Thị Minh T, ông Đỗ Xuân N trình bày có nội dung:

Vợ chồng bà Phùng Thị Minh T và ông Lê Quý C có thỏa thuận chuyển nhượng căn nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa A tờ bản đồ B diện tích

104,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 26/8/2019, đứng tên ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M. Ngày 23/8/2023 bà M đã thực hiện nghĩa vụ tài chính và nộp lại thông tin tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để chờ đăng ký biến động. Tuy nhiên bà T, ông C được biết hiện nay ông Nguyễn Hồng P đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn phong tỏa tài sản là thửa A tờ bản đồ B diện tích 104,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 26/8/2019, đứng tên ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M. Việc ngăn chặn tài sản trên của ông P làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng bà T ông C do đó yêu cầu Tòa án phải gỡ bỏ Quyết định ngăn chặn số 08/2023/QĐ- BPBĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông C vì vợ chồng ông C là người mua ngay tình, không biết việc ông T, bà M có nợ nần nhiều người. Đồng thời yêu cầu Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện độc lập của ông C, bà T về việc buộc ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký kết. Ngoài ra bà T, ông C không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Minh T trình bày có nội dung:

Vợ chồng bà Phùng Thị Minh T và ông Lê Quý C có thỏa thuận chuyển nhượng căn nhà và quyền sử dụng đất thửa A tờ bản đồ B diện tích 104,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 26/8/2019, đứng tên ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M. Ngày 23/8/2023 bà M đã thực hiện nghĩa vụ tài chính và nộp lại thông tin tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B để chờ đăng ký biến động. Tuy nhiên bà được biết hiện nay ông Nguyễn Hồng P đã có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp ngăn chặn phong tỏa tài sản là thửa A tờ bản đồ B diện tích 104,3m^2 tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 26/8/2019, đứng tên ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M. Việc ngăn chặn tài sản trên của ông P làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng bà T, ông C do đó yêu cầu Tòa án phải gỡ bỏ Quyết định ngăn chặn số 08/2023/QĐ- BPBĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 để đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng bà vì vợ chồng bà là người mua ngay tình, không biết việc ông T, bà M có nợ nần nhiều người. Ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản đối chất trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng ông Hoàng Quốc P trình bày có nội dung:

Ông Hoàng Quốc P có quen biết với bà Nguyễn Thị M. Khoảng tháng 7/2023, bà M có nhu cầu vay vốn thì ông P có chỉ đến chỗ ông Nguyễn Hồng P để vay tiền. Ông P chỉ biết ông P cho bà M vay số tiền 1.300.000.000đ, còn cụ thể việc vay mượn như thế nào thì ông P không rõ và ông P không có lợi ích gì trong việc này. Sau đó bà M không trả nợ cho ông P nên ông P có nhờ ông P gọi bà M ra nói chuyện. Đến ngày 01/8/2023 thì ông P có hẹn được bà M ra gặp tại

quán cà phê V; tại buổi nói chuyện có ông P, bà M, ông P và ông Q. Ông Q là người quen của bà M, ông P không biết rõ tên họ cụ thể, bà M nhờ ông Q đứng ra giàn xếp để bà M khất nợ 1- 2 tuần sẽ trả toàn bộ khoản tiền nợ cho ông P thì ông P đồng ý. Tại buổi làm việc, các bên chỉ trao đổi nội dung việc hẹn trả nợ như trên chứ không có việc bà M trả cho ông P số tiền 100.000.000đ tiền lãi và cũng không có viết lại giấy nợ. Sau khi thỏa thuận giàn xếp như trên thì các bên ra về, ông P cũng không có gặp lại ai và cũng không có liên quan đến việc vay mượn giữa ông P và bà M, ông T.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: Ngày 18/7/2023 ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M có vay của ông Nguyễn Hồng P số tiền 1.300.000.000đ *(Một tỷ ba trăm triệu đồng);* mục đích vay để đáo hạn ngân hàng; lãi suất do các bên tự thỏa thuận miệng với nhau, hẹn 02 ngày sau sẽ trả lại toàn bộ số tiền gốc và lãi. Đến hạn thanh toán, ông P yêu cầu ông T, bà M trả tiền nhưng ông T, bà M chưa trả được nên ngày 26/7/2023 ông P và bà M có ký lại 01 giấy vay tiền, hẹn đến ngày 27/7/2023 sẽ thanh toán toàn bộ khoản tiền trên. Tuy nhiên đến nay ông T, bà M vẫn chưa trả được khoản tiền trên cho ông Phước, do đó ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà M phải trả cho ông P số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ và yêu cầu lãi suất từ ngày vi phạm 28/7/2023 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P, buộc bị đơn bà ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ và lãi suất từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm.

Về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Xét thấy việc Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ- BPKCTT ngày 24/8/2023 về việc "*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ"* quy định tại khoản 11 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật; do đó không có cơ sở để hủy bỏ mà cần tiếp tục duy trì;

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M có nơi cư trú tại đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] **Về trình tự, thủ tục tố tụng:** Xét thấy người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quý C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] **Về nội dung vụ án:**

Ngày 18/7/2023 ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M có vay của ông Nguyễn Hồng P số tiền 1.300.000.000đ *(Một tỷ ba trăm triệu đồng);* mục đích vay để đáo hạn ngân hàng; lãi suất do các bên tự thỏa thuận miệng với nhau, hẹn 02 ngày sau sẽ trả lại toàn bộ số tiền gốc và lãi. Đến hạn thanh toán, ông Pyêu cầu ông T, bà M trả tiền nhưng ông T, bà M chưa trả được nên ngày 26/7/2023, tại văn phòng công chứng B, bà M và ông P tiếp tục ký kết thêm hợp đồng vay tiền với nội dung có vay số tiền 1.300.000.000đ, hẹn đến ngày 27/7/2023 sẽ thanh toán toàn bộ khoản tiền trên.

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P cho rằng đến hẹn thanh toán nợ, ông nhiều lần yêu cầu ông T, bà M trả nợ nhưng ông T, bà M vẫn cố tình né tránh, không chịu trả nợ cho ông, đồng thời thực hiện việc bán rất nhiều tài sản nhưng vẫn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho ông. Do đó ông Nguyễn Hồng P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Đức T và bà Nguyễn Thị M phải trả cho ông số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ và lãi suất từ ngày vay, ngày 18/7/2023 đến khi trả xong khoản nợ trên theo mức lãi suất thỏa thuận là 20%/năm; tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P xác định chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ và lãi suất kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 28/7/2023 đến ngày xét xử, ngày 19/10/2023 với mức lãi suất 10%/năm. Đồng thời yêu cầu Tòa án tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" để bảo đảm cho việc thi hành án;

Bị đơn ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M thừa nhận có vay và hiện đang hiện đang còn nợ ông Nguyễn Hồng P số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ; tuy nhiên bị đơn không đồng ý trả tiền lãi vì cho rằng ngày 01/8/2023 bà M đã

trả cho ông P 100.000.000đ tiền lãi của khoản vay trên, tính từ ngày 18/7/2023 đến ngày 30/8/2023; và có viết giấy hẹn đến hết ngày 30/8/2023 sẽ trả toàn bộ khoản tiền nợ trên. Tuy nhiên vì hoàn cảnh khó khăn nên ông T, bà M chưa trả được khoản tiền nợ trên cho ông P; ông T, bà M hẹn đến khi nào bán được đất sẽ trả số tiền nợ trên; đồng thời yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ-BPKCTT ngày 24 tháng 8 năm 2023 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy việc bị đơn ông T, bà M cho rằng vào ngày 01/8/2023 bà M có trả cho ông P 100.000.000đ tiền lãi và có viết giấy hẹn nợ đến ngày 30/8/2023 sẽ hoàn trả số tiền trên cho ông P; tuy nhiên ông P không thừa nhận có nhận 100.000.000đ tiền lãi, không thừa nhận có giấy thỏa thuận gia hạn nợ đến ngày 30/8/2023 và cũng không đồng ý với phương án trả nợ của bị đơn. Bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh việc trả lãi cũng như gia hạn nợ. Do đó xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Hồng P buộc bị đơn ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M phải trả số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ và tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 28/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 19/10/2023 theo mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận;

Do đó cần buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Đức T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ và tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 28/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 19/10/2023 theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: 1.300.000.000đ x 84 ngày x 0,833%/tháng/30 ngày (10%/năm) = 30.321.200đ, làm tròn thành 30.321.000đ; tổng cộng gốc và lãi là 1.330.321.000đ;

Tại phần tranh luận tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quý C, ông Đỗ Xuân N yêu cầu Tòa án ngừng phiên tòa để thụ lý đơn khởi kiện độc lập của ông Lê Quý C, bà Phùng Thị Minh T. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Quý C, bà Phùng Thị Minh T có đơn khởi kiện độc lập về việc yêu cầu ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã có công văn số 848/2023/VC-TA ngày 18 tháng 9 năm 2023 trả lời ông Lê Quý C, bà Phùng Thị Minh T; do đó yêu cầu này của luật sư không có cơ sở chấp nhận. Nếu có tranh chấp thì ông Lê Quý C, bà Phùng Thị Minh T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị Minh T yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ- BPKCTT ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ". Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Quý C, bà Phùng Thị Minh T; ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M có đơn khiếu

nại yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ- BPKCTT ngày 24 tháng 8 năm 2023; Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã có công văn số 22/2023/TB- TA ngày 25 tháng 9 năm 2023; công văn số 833/2023/TB- TA ngày 11 tháng 9 năm 2023 và công văn số 20/2023/TB- TA ngày 19 tháng 9 năm 2023 trả lời ông Lê Quý C, bà Phùng Thị Minh T, ông Lâm Đức T, bà Nguyễn Thị M;

Xét Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ- BPKCTT ngày 24 tháng 8 năm 2023, về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ hủy bỏ; nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định là phù hợp với quy định của pháp luật; do đó không có căn cứ hủy bỏ theo yêu cầu của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ- BPKCTT ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

[4] **Về án phí:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Đức T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 1.330.321.000đ = 36.000.000 + 3% (1.330.321.000đ- 800.000.000đ) = 51.909.630đ, làm tròn thành 51.910.000đ;

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P;

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Đức T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P số tiền nợ gốc là 1.300.000.000đ *(Một tỷ ba trăm triệu đồng)* và 30.321.000đ *(Ba mươi triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn*

đồng) tiền nợ lãi; tổng cộng gốc và lãi là 1.330.321.000đ *(Một tỷ ba trăm ba mươi triệu ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng);*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2023/QĐ- BPKCTT ngày 24 tháng 8 năm 2023 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Về án phí:

Bị đơn bà Nguyễn Thị M và ông Lâm Đức T phải chịu 51.910.000đ *(Năm mươi mốt triệu chín trăm mười nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn ông Nguyễn Hồng P được nhận lại 25.831.230đ *(Hai mươi lăm triệu tám trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm ba mươi đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Nguyễn Hồng P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- Thi hành án dân sự TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương